



Gió Bắc Mùa Xuân

*Nơi em qua gió Bắc đã thay mùa
Chân rạ mới se lòng mong lúa ấm
Những lá vàng rơi càng khô càng thắm
Lá rơi hoài có trút xuống nơi em?
(Bằng Việt)*

Bắc về, xuân đến. Buổi chiều ngày hai mươi bảy Tết sắp tàn. Ở vùng núi, nắng chưa tắt hẳn thì trời đã se se lạnh. Nắng đã xiên lấm ròi, những tia nắng cuối ngày len qua hàng cây Bằng Lăng hai bên đường mà mùa này chỉ còn lá với lá, mấy chòm bông tím ngấn ngắt đã tàn từ mấy tháng trước. Loại cây có thân nhẵn bóng và hoa màu tím, mau tàn, mọc khắp nơi. Đó là những gốc Bằng Lăng còn sót lại sau khi người ta phá rừng làm rẫy. Thỉnh thoảng dân chúng trong vùng mang thêm một số cây nhỏ trồng dọc theo hai bên đường. Nó đạp chiếc xe cũ trên đường về nhà, mừng như vừa bắt được của rơi, mơ hồ nhớ lại lần đầu tiên được ngồi trên chiếc xe đạp mới lúc nhỏ, phần thưởng của ba nó lúc vừa sáu, bảy tuổi.

Một tuần trước, chiếc xe đạp duy nhất của nhà nó sau một đêm ngủ say, đã không cánh mà bay. Cái áp nhỏ và sống biệt lập này, thiếu tất cả các phương tiện di chuyển, chẳng có chuyện gì có thể giấu được thiên hạ. Chuyện trong nhà, thoáng một cái là có thể bị bày ra ngoài xóm, vậy mà chẳng ai

biết chiếc xe đạp đã chạy đi đường nào. Cả nhà như ong vỡ tổ túa ra đi tìm cùng làng khắp xóm. Nhưng của đã mất làm sao tìm lại một cách dễ dàng như vậy được. Buổi tối hôm đó, má nó ngồi lặng lẽ nhìn ra sân, chất lười thờ dài thườn thượt, lưng như cong xuống. Buồn như ánh trăng già vàng vọt, méo xệch, đang rơi sáng một góc trước sân nhà. Chỉ có cây Ngọc Lan vẫn vô tình lẳng đặng phảng phất hương thơm trước nhà.

Thường là thằng bạn tôi mới quen sau ngày Sài Gòn thay tên. Một buổi chiều mấy đứa con trai trong xóm chia phe đá banh. Một đứa có vẻ là dân mới, lừa banh nhanh như dân chơi bài tráo, banh vào chân nó thì đứa giữ gôn có thể chuẩn bị chui vào khung mà lượm banh. Tôi bực. Và tìm cách “đón” giò nó. Cũng vì nó nhanh như sóc, tôi đón trật, nhằm bụng nó mà búa một cú như trời giáng. Thế là trận đá banh hôm đó bị gián đoạn, nó bị loại ra khỏi vòng chiến và ngồi dựa cái gò mồi bên cạnh miếng đất trống mà rên hừ hừ. Nó và tôi thành bạn sau trận đá banh đó, và chẳng bao lâu trở thành bạn thân. Mới quen, nhưng như là hai đứa bạn đã quen từ nhỏ, chia nhau từng hột muối (nó không thích đồ ngọt nên có cục kẹo nào là tôi hưởng hết). Nó kể, “Ba má tao, ngày xưa hai ông bà thương nhau, ông bà nội – là địa chủ loại gộc ở vùng Cai Lậy, Mỹ Tho – không đồng ý cuộc tình đó vì chuyện

môn đăng hộ đối. Hai ông bà trốn nhà đi, dắt díu nhau lên Sài Gòn sinh sống. Cuối cùng thì ông bà nội phải chịu thua và cho người đi tìm về làm đám cưới cho hai người”. Chuyện bọn trẻ thương nhau, bỏ nhà đi, thì xảy ra hà rầm - nói theo kiểu mấy bà già miền Tây - có gì mà lạ. Đưa con đầu lòng, hai ông bà dự tính sẽ đặt tên “Thương”, như để nhắc nhở cái tình yêu hai người dành cho nhau và cũng để đánh dấu cuộc tình khó khăn ấy. Ngày tháng nhỏ chào đời, ba nó đi làm xa, phải nhờ một người bà con đi làm giấy khai sanh. Không biết ông ta uổng vào mấy xi trước khi đến Hội Đồng Xã mà cái tên Thương của nó lại có thêm cái dấu hỏi to tướng trên tờ giấy khai sanh. Ba nó đi về thấy thằng con trai được đặt tên Thương, ông cũng cười, để dài nệm nịu thằng con mà nói rằng đó là phần thưởng của ông Trời. Cuối cùng thì ông Trời còn thương nhiều hơn nữa, thưởng nhà nó thêm... tám đứa. Gia đình chín đứa con nên ba má nó mới tất bật vất vả như vậy, nhất là sau năm bảy mươi lăm. Lo cho cái ăn cái mặc còn chưa đủ, làm sao có thể lo hết chuyện học hành cho tất cả mấy đứa con.

Một tuần sau ngày chiếc xe mọc cánh, buổi sáng, thằng nhỏ con của ông trưởng ấp dẫn hai con bò đi ngang, chạy thẳng vào nhà Thương. Chẳng thèm gõ cửa, nó hô: “Anh Thương ơi, ba em nói mấy ông trong xã kêu anh trưa nay tới nói chuyện gì đó, hình như là chuyện chiếc xe đạp”. Chuyện quan trọng như vậy mà nó làm như chuyện chơi. Nói xong, thằng nhỏ chạy vèo ra cửa, nhảy lên lưng bò đi thẳng. Má Thương vừa mừng vừa lo, không biết chuyện gì đã xảy ra cho chiếc xe đạp.

Ngày hai mươi bảy Tết, ông nào còn làm việc. Nó cảm thấy hơi lạ nhưng cũng nghỉ một ngày đi rầy để vào văn phòng xã. Tết nhất đến nơi, nghỉ sớm một ngày cũng chẳng chết ai. Trời chỉ mới quá trưa khi nó vào đến nơi. Văn phòng vắng teo, chỉ có hai người đàn ông và một giọng hát. Giọng hát vọng cổ của một cô đào cấp huyện nào đó, lanh lảnh phát ra từ cái đài nằm trên bàn. Nếu không biết trước thì không thể

nào nghĩ căn nhà đó là văn phòng của xã. Căn nhà lợp mái tranh, vách bằng những ống tre đập đập được kết lại bằng dây mây rừng, với hai cái bàn bằng gỗ tạp. Hai người đàn ông có vẻ mặt mệt nhọc như người thiếu giấc ngủ trưa. Anh thường trực ngồi ở chiếc bàn phía ngoài lên tiếng hỏi, mắt vẫn không rời cuốn truyện bằng tranh trên tay:

- Có việc gì?

- Dạ chuyện chiếc xe đạp ...

- Xe đạp gì? Anh nói rõ hơn được không! – Anh ta cắt ngang, không để Thường nói hết câu, giọng pha nửa Trung nửa Nam..

- Dạ, nhà tôi bị mất chiếc xe đạp cũ tuần trước...

- À... tui biết rồi. Giấy tờ xe đâu?

- Dạ xe cũ của ông nội tôi cho đã hơn mười năm, không còn giấy tờ.

- Vậy năm bảy lăm anh không đến xã đăng ký xe à? Làm sao tui biết là xe nào của anh? Xe anh màu gì? Tui biết là xe đạp thì không có số... máy, nhưng anh có biết số sườn là số mấy không? - Anh ta lý sự và nói một tràng như một đứa học trò đang trả bài, cặp mắt đảo lên đảo xuống giữa cuốn truyện và khuôn mặt của Thương.

Mặt anh ta nghiêm đến khiếp. Trời đất, thằng bạn tôi hai chân tuy dựng đất nhưng cái đầu thường lơ lửng trên mây, nhớ nhớ quên quên. Ngay cả cái bộ xương sườn của nó dù đã mang kè kè bên người mấy chục năm, nó còn chưa biết số mấy thì làm sao biết được số sườn của chiếc xe đạp cũ mềm bám đầy đất đỏ.

- Gia đình tôi vừa mới về đây năm trước, không biết chuyện đăng ký. Xe tróc hết sơn, chỉ còn màu ... đất đỏ! Số sườn, tôi cũng không biết. Xe cũ lắm anh ạ, tôi nghĩ chắc cũng không còn thấy số - Thường thấy chiếc xe dựng ở vách sau rất giống xe của nhà nó, nhưng không dám chỉ.

- Anh này hay! Anh giỡn mặt với tui hả! Anh đi tìm cái xe bị mất, đã không có giấy tờ xe, không biết số sườn số máy, lại còn

dám “tôi nghĩ tôi nghĩ!” Anh nghĩ gì kê anh, còn tui thì nghĩ là nếu anh không có bằng cứ thì tui sẽ giữ chiếc xe lại làm xe công.

Anh ta nói chắc như đinh đóng cột. Mặc dù nghĩ chắc anh ta đang dọa, xe của nó mà làm xe công thì chỉ có mang họa, nhưng Thường cũng đủ xanh mặt. Hay là bị nó đến phá giấc ngủ trưa nên anh ta quạu chẳng. Nó năn ni:

- Dạ anh thông cảm, nhà tôi chỉ có duy nhất chiếc xe đó. Đi thăm lúa, thò đậu thò bắp, hay đưa đón hai đứa em gái đi học cũng nhờ nó. Đường sinh lầy mùa mưa, đi bộ năm bảy cây sô, anh biết, khổ lắm. Tội nghiệp mấy đứa nhỏ. Xin anh giúp cho một lần. Lúc nhà tôi mất xe, làng xóm ai cũng biết...

- Tui không có thời giờ để hỏi hàng xóm của anh. Đó cũng không phải là bằng chứng là chiếc xe nào của anh.

- Ah, tôi có thể cho anh biết đặc điểm xe được không? Trong cái cốt yên có một miếng chêm bằng nhôm, dài khoảng ba phân. Bánh xe trước vá bốn lỗ, còn ruột xe sau màu đỏ, nổi hai khúc...

Thường đưa ra một loạt đặc điểm của chiếc xe và cũng nói chắc ...như đinh đóng cột. Anh ta đột nhiên tỏ ra thân thiện hơn và đổi đề tài:

- Anh ăn cơm chưa?

- Dạ, lúc nãy ở nhà có ăn tạm... mấy củ khoai.

- Anh này hay! Tui hỏi anh ăn cơm, sao lại trả lời khoai! Hay là ta đi kiếm cái gì ăn một chút. Qua quán bên kia đường nghe.

Đi ngang qua mặt người đồng nghiệp, anh ta gõ nhẹ trên bàn và đi thẳng ra cửa. Nhìn xéo bên kia đường, quả nhiên Thường thấy một quán ăn, đó cũng là một tiệm tạp hóa. Thường và người đồng nghiệp của anh ta cùng đi qua quán đó. Thức ăn được dọn xong, thấy hai người họ ục chung rượu để bốn chục độ, vừa nhắm mặt vừa khè ra khói, mà đậm thềm. Tiếc là nó không chịu được rượu mạnh. Chỉ có ba miếng khô lóc

nướng, một đĩa nấm rom xào tỏi và một tô mì gói mà họ ngồi với nhau đến gần năm giờ chiều. Nó có biết là nhậu với mì gói mà “bắt” đến như vậy đâu! Đã qua đến xì thứ tư, cả hai có vẻ thấm hơi men, mặt càng ngày càng xanh, nhưng vẫn ăn uống cười nói với nhau đủ chuyện và tuyệt đối không đả động gì đến chuyện chiếc xe đạp. Tô mì gói và đĩa nấm xào đã sạch, đĩa khô cũng chỉ còn lại mấy miếng xương. Bất chợt anh ta quay lại Thường:

- Tui đi về văn phòng làm thủ tục cho anh lấy xe nghe. Năm phút nữa anh qua lấy xe về, nghe chưa!

Hai người nhân viên xã chân đông chân tây trở về văn phòng của họ. Thường không thấy anh ta trả tiền, chắc là khách quen của quán. Thường liếc nhìn bà chủ quán và gật đầu chào trước khi rời bàn.

- Cậu ơi, cậu trả giùm tiền ăn – bà chủ quán lễ phép nhắc.

Thường xanh mặt thật sự. Tiền đâu mà trả.

- Dạ cháu không có sẵn tiền thím ơi.

Bà chủ quán chìa ra một cuốn tập học trò, cũng dính đầy đất đỏ, bên trong chữ viết và ký tên chẳng chịt. Đó là lần đầu tiên nó ký sổ ăn chịu. Nghĩ đến mấy đứa em ở nhà mà trong lòng xót xa như bụng đói mà ăn một rổ khế chua.

Về đến văn phòng xã, Thường thấy anh ta đang cặm cụi viết. Chờ đến năm phút sau, liếc nhìn qua tờ giấy, anh ta chỉ mới “bò” được hai dòng, chữ viết chậm mà vẫn nguệch ngoạc. Kiểu này thì không biết đến bao giờ mới xong tờ chứng nhận. Thường đề nghị, “Hay là để tôi viết vài dòng là đã nhận xe và ký tên, anh chỉ cần đọc lại và xác nhận giùm là được”. Thủ tục làm giấy để nhận lại chiếc xe chỉ có bấy nhiêu. Anh ta cũng không kiểm tra lại, không cần mở cái cốt yên xe hay tháo ruột xe ra xem Thường nói có đúng hay không. Chiếc xe đạp dựng ở vách sau của văn phòng đúng là chiếc xe của Thường.

Đầu óc như đang lơ lững trên mây vì vừa tìm lại được chiếc xe đạp, đến một ngã ba nó lơ mờ thấy cái bóng của một vật gì vừa từ ngã ba phóng ra. Con đường đang xuống dốc và chiếc xe cũng không còn thẳng, nó chỉ biết lách nhanh về phía trái để tránh. Tránh được chiếc xe vừa đâm ra, nhưng chiếc xe nó sụp xuống một ổ gà lớn nằm ở giữa đường. Chiếc xe lộn một vòng và hát thẳng Thường vào bụi cỏ bên đường. Chẳng may cho nó, một tảng đá lớn đã nằm chờ sẵn sau bụi cỏ, có lẽ từ ngày mấy ông lính Công Binh người Úc đến ủi đất để làm thành con đường đó từ những năm sáu mươi. Nó chỉ kịp nhìn thấy khuôn mặt của một cô gái, thanh thoát với cặp mắt ướt và đen, và nhớ lơ mờ lúc đó nghe một giọng nói của một cô gái Bắc, ngọt lịm và ... đúng chuẩn. Tôi bái thẳng Thường làm thầy về cái biệt tài này, trước khi... nhắm mắt mà nó vẫn còn có đủ thời giờ - và tinh thần - để quan sát bấy nhiêu thứ!

Mở mắt dậy vào sáng sớm hôm sau, nó thấy chung quanh giường có gần đủ mặt mọi người thân thuộc: má, ba đưa em gái, và dĩ nhiên tôi. Không biết bằng cách nào mà cô gái lồi thằng Thường được tới bệnh xá. Quần áo tay chân nó bê bết bụi, đất đỏ, và mấy vết trầy, như một con gà trống vừa đá xong một trận chí mạng. Cái băng trên đầu nó trước đó có lẽ là màu trắng bây giờ đã ngả sang màu cháo vịt. Đó là một bệnh xá nghèo, chỉ có một cái giường, một băng gỗ dài, cái tủ gỗ đựng lung tung đủ thứ - toàn những thứ ... không cần thiết - và một cái bàn con. Ông y sĩ ... trụ trì ở đó cũng thuộc hạng bất đắc dĩ. Trước đây ông ta là y tá ở một bệnh viện tỉnh, sau năm bảy mươi lăm đến vùng này sinh sống và tự cho mình lên bậc y sĩ. Làm y sĩ ở một xã nghèo, lương ba cọc ba đồng nên nghề chính của ông cũng là nghề làm rẫy như mọi người, chỉ hành nghề thuốc khi nào có người bị trầy chân sút trán đến gõ cửa trạm xá. Đúng là "họa vô đơn chí", ngày hôm đó ông y sĩ không biết đi đâu đến bốn giờ sáng mới về đến nhà. Chính cô gái là người đã thoa

thuốc đỏ và băng vết thương cho Thường sau khi lồi nó đến đó. Lúc nó tỉnh dậy thì cô gái đã bỏ đi mất từ lúc nào. Nhỏ em đưa cho nó một tờ giấy lịch có mấy hàng chữ: "Chú gì đó, xin lỗi chú đã làm xe chú hư. Không có tiền ở đây để đền. Mà, thật ra cũng không phải lỗi của em, phải không?" Nét chữ tròn, thật đẹp, và rất là ... con gái. Nhưng sao có người lại nói chuyện huê tiền đến như vậy không biết. Nếu không có lỗi thì sao lại phải xin. Mà lại còn ghi lại địa chỉ nhà, trong phần tái bút, nói rằng nếu có dịp ghé lại thì cô ta sẽ bồi thường cho cái bánh xe. Nhà cô gái chắc là khó tìm, địa chỉ có đến hai ba cái gạch, ở Sài Gòn. Nghĩ cho cùng, cô gái nói chuyện ỡm ờ kiểu này thì bố bảo cũng chả dám đến nhà đòi cái bánh xe bị cong đó.

Cho đến mãi sau này, mỗi lần nhắc đến chuyện té xe, chính thằng Thường cũng không biết rõ tại sao nó ngất xỉu. Thủ phạm là tảng đá núp sau bụi cỏ? Hay là vì hai bàn tay vừa mềm vừa lạnh ngắt của cô gái, ôm chặt khuôn mặt nó mà lay mà lắc vì sợ nó chết, "Chú ơi chú, làm ơn đừng chết nghe chú!". Cũng có thể nó chết giấc vì cặp mắt vừa đen vừa ướt, và cái giọng nói vừa ấm vừa ngọt lịm đó - ngay cả trong lúc hốt hoảng - cũng không chừng. Nó cứ khen cô gái có gương mặt sáng như trăng rằm và cặp mắt đẹp... mê hồn, có thể làm người ta chết cạn lúc nào không hay. Không biết đã có người nào khác chết chưa, chứ nó thì tôi biết là đã chết hết phân nửa là cái chắc. Tôi cứ chọc, con nhỏ gương mặt tròn như trăng mười sáu thì có, làm gì sáng như trăng!

Từ đó nó không còn gặp người con gái trở về cái làng quê đó nữa.

Kể từ ngày thằng Thường bị tai nạn, không biết bao nhiêu nước đã chảy qua dưới chân cầu vắt ngang con rạch nơi gia đình Thường ở. Cuộc sống đầy đọa, mấy năm sau cả Thường lẫn tôi không còn ở với

gia đình ở cái xóm nhỏ, xa xôi đó. Mỗi đứa đi mỗi nơi. Mỗi lần gió Tết về lại nhớ nhà, nhớ quê. Những năm xưa đó, gió Tết it mang lại niềm vui. Ba nó mất đi cũng vào một ngày mừng bốn Tết, lặng lẽ, và dễ dàng như một người xách giỏ đi chợ. Mừng một Tết năm đó, lần đầu tiên nó có được chút tiền để mừng tuổi ba, chỉ có vài đồng “để ba hút thuốc”, nhưng trong lòng cứ cảm thấy sung sướng mãi. Khi gió bắc đến, khi mà nội đưa cái rổ nhựa nhắc nó ra ngắt lá Mai trước nhà, là những lúc nhớ nhà không tưởng được.

Nó nhớ đồng, nhớ quê. Nhớ cái xứ sở nghèo nàn, mùa hè bụi phủ đến ngập đầu, nhưng chỉ cần vài trận mưa rào đất lại dẽo ra như nếp nhão. Hình ảnh người mẹ, cặp mắt ngân nước ngời nhìn đứa con gái lớn lội sinh công đưa em út đi học mẫu giáo. Ra đến nơi con nhỏ khóc như mưa bấc, không chịu ở lại học, lại phải khom lưng công về. Chỉ là những kỷ niệm vụn vặt, nhưng vẫn còn nằm gọn trong ký ức nó. Người cha già trước tuổi, ốm nhom và đen thui vì phải học làm nghề mới trên đám rẫy nhà. Thằng em trai chưa đến mười bốn tuổi, trước giờ chẳng biết đôn cây làm rẫy là gì, cời trần đi làm, đến chiều về nhà da nóng đỏ như con tôm luộc. Đến mùa thu hoạch, mấy đứa em có ngày bỏ học đi theo lũ trẻ trong xóm đi mót bắp, lúa hay khoai, như một đám cừu non đi tìm chút cỏ già còn sót lại trên mấy cánh đồng, từ sáng đến tối mới về đến nhà. Một giai đoạn của cuộc đời chỉ có vài ba năm mà có bao nhiêu là chuyện để nhớ. Nhớ cả căn nhà trống trước hờ sau, thoang thoang mùi hương bông chanh trộn lẫn với hương Ngọc Lan của những đêm trăng sáng. Thiếu thốn đến tột cùng, nhưng với nó, căn nhà đó mang điều gì thiêng liêng lắm, vì lúc nào cũng chất đầy cái âm áp của sự sum vầy.

Vừa ăn xong cái Tết năm đó, má nó bị bệnh khá nặng. Sau một đêm nằm ở bệnh viện tỉnh, mấy ông bác sĩ khuyên nên đưa bà cụ về bệnh viện Nguyễn Trãi với lý do là bệnh viện nhỏ không có đủ thuốc men và dụng cụ, và có lẽ thiếu cả bác sĩ chuyên khoa. Bệnh tim, mà lại lao lực quá, có thể

“đi” bất cứ lúc nào.

Một buổi sáng, ông bác sĩ trưởng đến thăm bệnh nhân cùng với ba người bác sĩ trẻ, có lẽ là sinh viên khoa y đang thực tập. Nhóm bác sĩ rời phòng sau khi xem hồ sơ bệnh án và thăm bệnh cho các bệnh nhân trong phòng. Cô thực tập sinh trong nhóm, có mái tóc dài quá lưng và óm như cây sậy vùng Đồng Tháp, nhìn Thường, gật đầu chào và cười mỉm. Thường không hiểu nụ cười đó, cảm thấy lạ. Nhìn ánh mắt của cô thực tập trẻ, nó bối rối, và sững lại một chút. Không thể nào lại giống như vậy được!

Ngày hôm sau, cô thực tập sinh trở lại phòng bệnh nhân. Khám qua loa cho má nó một chút (không biết cô này có quyền khám cho bệnh nhân không nữa!), hỏi vài câu lấy lệ, cô ta xoay qua Thường, chìa ra một chiếc xe đạp kẹp trong tập hồ sơ. Chiếc xe bằng giấy carton có tô màu đỏ hảnh hoi. Cũng vẫn nụ cười giống như hôm qua:

- Gửi lại chú cái xe.

Lần này thì không chạy vào đâu được. Chắc chắn như vậy. Thường nhớ ngay cô gái này là ai. Cô ta tiếp:

- Hôm nay bà cụ trông khỏe đi nhiều lắm, chừng hai ngày nữa là ông thầy tôi cho về. Biết ngay là chú không sao. Chắc chú không còn ở trên đó nữa? Trông chú có vẻ khác đi.

- Dạ, cô nói trên nào? Trước giờ tôi ở dưới đất, chưa lên trời bao giờ!

- Chú đỡ hơi! Hồ sơ của bác là do em theo dõi; địa chỉ của bác nằm sờ sờ trong đó kia. Đầu chú hôm ấy, tưởng là té nhẹ không sao, ai dè... – cô gái cười có vẻ đắc chí, con mắt có đuôi.

- Ủa, bố ở nhà thứ mấy? Té một cái muốn nín thở, tôi quên mất là có bà con với cô.

- Tôi mà biết anh ba trọn như vậy, hừ, hôm ấy thay vì thoa thuốc sát trùng tôi nhét vào một nắm đất trước khi băng cho anh, thử xem ai bị nhiễm trùng cho biết!

Trời ơi, bác sĩ mà nói chuyện kiểu này

với bệnh nhân thì có bị thương nặng đến mấy nó thà lấy bẹ chuối mà bó còn an toàn hơn. Con nhỏ xem ra cũng thuộc hàng không chịu thua ai, đánh đá không thua gì nhỏ em gái nó. Nhưng nhờ cô ta mà bà cụ được chăm sóc chu đáo, tận tình trong mấy ngày còn ở lại bệnh viện, và qua được cơn hiểm nghèo.

Mấy ngày sau, Thường tìm đến nhà cô bác sĩ tương lai theo địa chỉ mà cô ta để lại mấy năm trước trên tờ giấy lịch, mang theo một gói bánh để cảm ơn cô đã tận tâm chăm sóc cho bà cụ trong thời gian ở bệnh viện. Đi đến gần khu phố và nhất là đến đầu ngõ hẻm dẫn vào nhà cô gái, nó giật mình. Nó không xa lạ gì cái xóm đạo đông đúc này, sau nhiều năm vẫn không thay đổi bao nhiêu. Pha trà và mở gói bánh của Thường mang đến, cô nhỏ vui vẻ, cười duyên:

- Trà số một của bố đó, anh thử đi, ngon lắm. Anh bày đặt quá, sinh viên nghèo không biết lo thân!

- Có gì đâu, tôi hy vọng mang gói bánh đến... để đổi cái bánh xe.

- Anh dai như đĩa! Hôm trước đã trả anh nguyên cái xe rồi còn gì.

Hình như khi gặp Thường không mắng mỏ thì hôm đó ăn cơm không ngon nên cô ta phải tìm cách mắng một câu cho bằng được. Thường cười:

- Hôm đó tại sao cô lại đi lạc đến cái xứ khi không dám ho, gà sợ gáy đó vậy?

- Đi tiếp tế Tết cho người em họ của bố. Năm nào bố em cũng đi một lần, nhưng gặp lúc bố không khoẻ, ông anh đi thay. Em chỉ xin đi theo chơi cho biết đồng quê thôi.

- May là ngày đó chiếc xe cô lái không phải là xe mười bánh!

Thường đổi đề tài:

- Tưởng nhà cô ở đâu xa, chứ khu này tôi biết rõ như mấy cái chi tay của mình. Nói cô là láng giềng cũng không sai bao nhiêu.

- Anh lại phía nữa phải không? – cô ta nheo mắt, dò xét.

- Sao lúc nào cũng cho là người khác xạo thế kia! Lúc khoảng mười ba, mười bốn tuổi, có nhiều hôm má sai đi chợ, con trai treo trên xe cái giỏ ra chợ, mắc cỡ, nhưng cũng phải đi. Cái chợ nhỏ nhóm gần nhà thờ kia kia, ai xạo.

- Thật?

- Sao không! Có hôm còn bị mấy đứa ở xóm này tưởng là dân cư xá thứ thiệt, bị tụi nó rượt chạy vất giở.

- Ahh..., hèn chi có lần nghe hai ông anh nói là vừa rượt một đứa trong cư xá chạy có cờ. Hóa ra “đứa” đó là anh. Em mà biết, chạy ra rượt phụ cũng không chừng.

Cô ta cười ngoặt ngoẹo, đắc thắng. Mấy ông anh chắc cũng thuộc loại phá làng phá xóm, có đứa em đánh đá như vậy cũng chẳng có gì lạ.

Những chuyện trên trời dưới đất như vậy mà nói đến hàng giờ vẫn chưa hết. Nhắc đến chuyện chiếc xe đạp bị mất, Thường cũng không còn cảm giác ám ức. Thời gian có thể giúp cho người ta quên đi nhiều thứ. Cô bạn chỉ lắc đầu cười. Vừa rồi, Thường nghe má kể lại, “cái anh trong xã” đã bị cho nghỉ việc, không còn làm mưa làm gió ở cái góc nhỏ của anh. Cô vợ trẻ của anh không chịu nổi những trận đòn vô cơ sau mỗi lần ông chồng say xỉn, cũng đã bỏ xứ đi biệt tích.

Mùa mưa năm đó, nó và Hoài trở về thăm lại làng quê đó. Hình như là vào lúc mấy cơn mưa đầu mùa vừa ghé lại. Chim chóc rộn rã gọi nhau về hát líu lo trên cành. Lần đầu tiên Hoài nhìn thấy Phong Lan tím rục rờ trên mấy nhánh cây rừng, Hoài cứ xuýt xoa sao mà đẹp ngẩn ngơ! Nhớ hoài hình ảnh cô bạn xách dép, xắn quần lội qua con suối đi vào thăm miêng ruộng rộng “đến” ba sào mà Thường đã tự tay khai phá mấy năm trước. Con suối hôm đó dường như trong hơn.

Và thương hoài cảnh con nhỏ ngồi trên bờ đê thọc chân khuấy nước.

Trong cuộc đời cũng có nhiều cuộc gặp gỡ có thể được xem là duyên số như vậy. Cứ gặp một lần rồi chẳng bao giờ quên được. Và cứ ngỡ là sẽ chẳng bao giờ gặp lại.

Thằng bạn nói khổ của tôi có cùng đi với người con gái đó suốt quãng đường hay chỉ đi với nhau một đoạn đường ngắn, chuyện này ít quan trọng. Câu chuyện có thể được kết thúc ở đây và cũng có thể xem là có hậu lắm rồi. Chuyện mất xe của thằng Thường vào cái Tết năm đó đã đi theo tôi cho đến bây giờ. Nó làm tôi liên tưởng đến chuyện Tái Ông mất ngựa mà hầu như ở xứ mình ai cũng biết, và nghiệm ra một điều. Rõ ràng cô vợ trẻ của “cái anh trong xã” quyết định ca bài một đi không trở lại chẳng bao giờ trở về cái xã nghèo nàn và bừa bộn đó, đừng nói đến chuyện trở về với ba cô vợ khác. Anh ta được gần rượ hơn một chút. Còn chiếc xe đạp chắp cánh bay ngày nào cũng không dẫn về hai chiếc xe khác, mà chỉ làm nó tồn một bữa ăn vô lý và một đêm nằm đãi muối ở bệnh xá. Nhưng Thường đã được thứ khác quý giá gấp bao nhiêu lần. Cái ổ gà, tảng đá ven đường, và cái bánh xe cong ở ngã ba chiều tối hôm đó đã dẫn nó đến một ngã tư khác để được gặp người con gái có gương mặt thanh thoát và cặp mắt có thể làm cho người ta chết cạn đó.

Năm cuối cùng học ở Nguyễn Du, có một lần thầy Long đến dạy lớp tôi. Thầy vừa giảng vừa đi tới đi lui, và cuối cùng đi... luôn ra ngoài đề. Thay vì phải giảng về loại văn học mới, kiểu chuyện chị Dậu phải bán đi cả con và cái ổ chó để có tiền nộp suất sưu (tiểu thuyết “Tắt Đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố) thì thầy lại lim dim thả hồn theo mấy khổ thơ của Xuân Diệu. Người thầy dạy Triết có cái dáng đi thong thả như “trôi vào lớp” (1) hôm đó có nhắc đến một danh ngôn: “Hạnh phúc như một cái chần hẹp, hãy kín đầu thì hở chân”. Cũng như cuộc đời của thằng Thường. Và của bao nhiêu người khác.

Nhưng, kín đầu thì chắc là ngộp lắm.

Thế, bạn chọn phần nào, kín chân hay hở đầu?

Thuyên Ly

(1) Thầy Trần Đình Mậu, *Thư Ngỏ*, ĐS Ngày Hội Ngộ (2006).

